

Số: 03193 /QĐ-SNV

Bình Định, ngày 16 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã của Văn phòng Sở Nội vụ

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 03012/QĐ-SNV ngày 14/5/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan và kinh phí xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã từ kinh phí mua xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác năm 2025 của Văn phòng Sở Nội vụ.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Chính quyền và Văn thư, lưu trữ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, Phòng CQ&VTLT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Hoàng Linh

Biểu số 2
(Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của
Bộ Tài chính)

Đơn vị: Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
Mã QHNS: 1101094

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /5/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bình
Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Phí	
2	Lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Phí	
2	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
-	Kinh phí mua xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác	-876.259.000
-	Kinh phí sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan	249.050.000

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
1	2	3
-	Kinh phí xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	627.209.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	